

Đơn vị: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chương: 427

An Giang, ngày 03 tháng 04 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	40,0	9,5	23,75	
1	Lệ phí				
2	Phí	40,0	9,5	23,75	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	36,0	3,7	10,28	
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	36,0	3,7	10,28	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	36,0	3,7	10,28	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	4,0	0,9	22,50	
1	Lệ phí				
2	Phí	4,0	0,9	22,50	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	53.410	4.240	7,94	
I	Nguồn ngân sách trong nước	53.410	4.240	7,94	
1	Chi quản lý hành chính (Khoản 341)	5.238	1.200	22,91	
11	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.172	1.196	23,12	
12	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	66	4	6,06	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề (Khoản 085)	63	0	0	
31	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
32	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	63	0	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
41	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
42	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
51	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
52	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế (Khoản 281 + Khoản 314)	12.458	1.130	9,07	
61	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
62	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	12.458	1.130	9,07	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
71	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
72	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin (Khoản 171)	18.076	1.001	5,54	
81	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
82	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	18.076	1.001	5,54	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn (Khoản 191)	14.660	744	5,08	
91	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
92	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.660	744	5,08	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi sự nghiệp chi khác ngân sách (Khoản 428)	2.915	165	5,66	
101	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
102	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.915	165	5,66	
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ghi chú: số liệu công khai đã bao gồm số liệu dự toán năm 2023 được mang sang và dự toán các Chương trình mục tiêu quốc gia.

Ngày 3 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Thanh Hải

THUYẾT MINH CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN NSNN QUÝ 1 NĂM 2024



Thực hiện chế độ công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách. Sở Thông tin và Truyền thông công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN quý 1 năm 2024 như sau:

I. Tình hình thực hiện dự toán thu phí:

1. Dự toán thu phí, lệ phí của Sở Thông tin và Truyền thông được giao thực hiện năm 2024:

- Phí, lệ phí: 40 triệu đồng

2. Dự toán thu phí, lệ phí của Sở Thông tin và Truyền thông ước thực hiện đến hết quý 1 năm 2024: 9,5 triệu đồng.

3. Ước thực hiện quý 1 năm 2024: 9,5 triệu đồng đạt 23,75% so với dự toán thu được giao trong năm, số nộp ngân sách năm là 0,9 triệu đồng, số để lại đơn vị sử dụng quý 1 năm 2024 là 8,6 triệu đồng, số sử dụng quý 1 năm 2023 là 3,7 triệu đồng.

II. Tình hình thực hiện dự toán chi nguồn NSNN:

1. Tổng dự toán chi nguồn NSNN năm 2024 là 53.410 triệu đồng (số năm 2023 mang sang và dự toán giao năm 2024 đã bao gồm các Chương trình mục tiêu quốc gia), bao gồm:

- Chi quản lý hành chính: 5.238 triệu đồng
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 63 triệu đồng
- Chi hoạt động kinh tế: 12.458 triệu đồng
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 18.076 triệu đồng
- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn: 14.660 triệu đồng
- Chi sự nghiệp chi khác ngân sách: 2.915 triệu đồng

2. Lũy kế giải ngân quý 1 năm 2024 là 4.240 triệu đồng đạt 7,94% dự toán năm, bao gồm:

- Chi quản lý hành chính: 1.200 triệu đồng đạt 22,91%
- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 0 triệu đồng
- Chi hoạt động kinh tế: 1.130 triệu đồng đạt 9,07%
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 1.001 triệu đồng đạt 5,54%
- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn: 744 triệu đồng đạt 5,08%
- Chi sự nghiệp chi khác ngân sách: 165 triệu đồng đạt 5,66 %